

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 193/2012/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 13/12/2004;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; Nghị định số 62/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp 2005;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 52/TTr-SKH ngày 15/6/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 193/2012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2012
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này xác định nguyên tắc, trách nhiệm và nội dung phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm và cung cấp thông tin đối với các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập theo Luật Đầu tư), hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương có chức năng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã) và hộ kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp trong thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

a) Công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan chức năng có liên quan dựa trên cơ sở, chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Việc thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh phải được tiến hành công khai, minh bạch; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về nội dung, không gây phiền hà cho doanh nghiệp. Các hành vi vi phạm pháp luật phải được xử lý, phối hợp xử lý đúng, kịp thời theo quy định;

b) Trường hợp theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc có phát hiện dấu hiệu vi phạm (hoặc có phản ánh vi phạm) cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất theo quy định.

2. Nguyên tắc về phối hợp cung cấp thông tin

a) Việc phối hợp cung cấp thông tin phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị tham gia và các quy định hiện hành của Nhà nước;

b) Việc phối hợp cung cấp thông tin được thực hiện theo nguyên tắc kịp thời và chính xác các thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Chương 2

PHỐI HỢP THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 4. Nội dung thanh tra, kiểm tra

Các cơ quan quản lý Nhà nước phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh về chấp hành các quy định của pháp luật, gồm:

1. Thanh tra, kiểm tra các nội dung trong hồ sơ đăng ký

a) Chấp hành các quy định về thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

b) Chấp hành các quy định về đăng ký trụ sở, đăng ký thay đổi nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

c) Chấp hành các quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, chứng chỉ hành nghề của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

d) Chấp hành các quy định về treo biển hiệu, công khai thông tin của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

đ) Chấp hành các quy định về đăng ký góp vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã;

e) Chấp hành các quy định về tổ chức lại, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;

g) Chấp hành việc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật chuyên ngành: đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thuế, vệ sinh an toàn thực phẩm... của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Cơ quan chủ trì thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra, kiểm tra các nội dung trong hồ sơ đăng ký

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (trừ các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp);

b) UBND các huyện, thành phố chủ trì thanh tra, kiểm tra các hợp tác xã, hộ kinh doanh;

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ trì kiểm tra các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật chuyên ngành

Cơ quan Nhà nước căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị chủ trì thanh tra, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra, kiểm tra các nội dung trong hồ sơ đăng ký

a) Trước ngày 20 tháng 11 hàng năm, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau các hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký trong năm trên địa bàn huyện, thành phố; đồng thời thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Trước ngày 25 tháng 11 hàng năm, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập kế hoạch kiểm tra năm sau các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, đồng thời thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan;

c) Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau các doanh nghiệp đăng ký trong năm trên địa bàn tỉnh (trừ các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp), đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật chuyên ngành

Cơ quan quản lý chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chương trình công tác của ngành, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; đồng thời gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra

1. Trên cơ sở kế hoạch thanh tra, kiểm tra được duyệt, cơ quan chủ trì tiến hành các bước thanh tra, kiểm tra theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm cử đại diện tham gia thanh tra, kiểm tra khi có đề nghị của cơ quan chủ trì.

Điều 8. Phối hợp xử lý vi phạm

1. Phối hợp xử lý vi phạm trong thanh tra, kiểm tra các nội dung trong hồ sơ đăng ký

Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy chế này, cơ quan chủ trì thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Nghị định số 53/2007/NĐ-CP và Nghị định số 62/2010/NĐ-CP.

2. Phối hợp xử lý vi phạm trong thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định Pháp luật chuyên ngành

a) Khi thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý chuyên ngành có phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm phải đình chỉ ngay hành vi vi phạm đó và tiến hành xử lý vi phạm theo các quy định của pháp luật;

b) Trong trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm các quy định tại Điều 59, Điều 61 Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Khoản 2, Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2005; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập theo Luật Đầu tư vi phạm Khoản 2, Điều 64 Luật Đầu tư và Khoản 2, Điều 68 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006; phát hiện hợp tác xã vi

phạm các quy định tại Khoản 1, Điều 26 Nghị định 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 và Khoản 2, Điều 42 Luật Hợp tác xã năm 2003, cơ quan xử lý vi phạm phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (đối với Giấy chứng nhận đầu tư do UBND tỉnh cấp, các cơ quan thông báo qua Sở Kế hoạch và đầu tư), Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh biết về việc vi phạm đó trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện việc vi phạm, kèm theo hồ sơ xác định vi phạm để có căn cứ xem xét, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; thông báo cho UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Chương 3

PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 9. Nội dung cung cấp thông tin

1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh của hợp tác xã, hộ kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh.
2. Thông tin về chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại, giải thể, phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.
3. Thông tin về việc cấp, thu hồi mã số thuế, tình hình thực hiện quy định về thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.
4. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tình hình thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh.
5. Thông tin khác về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư
 - a) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận, quản lý, xử lý, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;
 - b) Định kỳ chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng, cung cấp danh sách kèm thông tin về các doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại, giải thể, phá sản và danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tháng trước đến Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thành phố, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Đồng thời cập nhật thông tin này lên trang website của Sở Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.bacgiangdpi.gov.vn>);
 - c) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 7), cuối năm (trước ngày 30 tháng 1 năm sau) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình hoạt động

sản xuất, kinh doanh; kết quả công tác quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh cho các tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Định kỳ chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, cung cấp danh sách kèm thông tin về các doanh nghiệp thành lập mới gắn với Giấy chứng nhận đầu tư, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư; thông tin về chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại, giải thể, phá sản và danh sách doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư tháng trước đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

b) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 7), cuối năm (trước ngày 20 tháng 1 năm sau) đánh giá tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo thẩm quyền quản lý, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) đồng thời gửi các cơ quan khác có liên quan;

c) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin về doanh nghiệp trong các khu công nghiệp cho các tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế tỉnh

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố cung cấp. Chỉ đạo Chi cục thuế các huyện, thành phố theo dõi, quản lý, đánh giá tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn;

b) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 7), cuối năm (trước ngày 20 tháng 1 năm sau) đánh giá tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn, tình hình vi phạm các quy định về thuế, đóng cửa mã số thuế của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) đồng thời gửi các cơ quan khác có liên quan;

c) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin thuộc chức năng quản lý của ngành đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn cho các tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Công an tỉnh

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện, thành phố cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của ngành;

b) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin về tình hình vi phạm pháp luật và các thông tin khác về các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc chức năng quản lý của ngành cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ngành khác có liên quan

a) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 7), cuối năm (trước ngày 20 tháng 1 năm sau) đánh giá tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo lĩnh vực quản lý; tổng hợp danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) đồng thời thông báo cho các cơ quan khác có liên quan;

b) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin thuộc chức năng quản lý chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

6. UBND các huyện, thành phố

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp cung cấp. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Định kỳ chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm cung cấp danh sách kèm thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh đã đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại; danh sách hợp tác xã sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản và danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tháng trước

đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan;

c) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 7), cuối năm (trước ngày 20 tháng 1 năm sau) đánh giá tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn; tổng hợp danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã vi phạm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) đồng thời thông báo cho các cơ quan khác có liên quan;

d) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin thuộc chức năng quản lý của UBND cấp huyện, thành phố đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn cho các tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Chương 4 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

Giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hạnh